

Số: 62/2024/QĐCNTTLH

D, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Hoàng Thu T1;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tấn T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 5 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Hoàng Thu T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 5 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 5 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Hoàng Thu T1 tự nguyện thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Nhật Minh H (sinh ngày 21/12/2014) và Nguyễn Nhật Quang T2 (sinh ngày 15/3/2017) cho bà Nguyễn Hoàng Thu T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu H, cháu T2 lần lượt đủ 18 tuổi.

Ông **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung nếu xét thấy cần thiết ông **T**, bà **T1** đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông **Nguyễn Tấn T** và bà **Nguyễn Hoàng Thu T1** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà **Nguyễn Hoàng Thu T1** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **Nguyễn Tấn T** không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông **T** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thái Bảo N**